

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 30/8/2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Linh.

2. Bà Võ Kim Phượng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Khánh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có bà Nguyễn Thị Phương - kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Hoàng B, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 110A ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bùi Thị T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: 110A ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn Anh Võ Hoàng B trình bày: Anh B và chị T chung sống năm 2003, đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã V, sau khi kết hôn anh B và chị T sống hạnh phúc đến tháng 10/2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do làm ăn thất bại (anh B làm nghề cào cá trên sông) chị T thường xuyên cần nài nói anh B làm thua lỗ mà đi hoài, ngoài ra chị T ghen tuông chửi anh B và chửi người lớn trong nhà việc chị T chửi anh B không có chứng cứ, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 12/2017 đến nay. Nay anh B xin ly hôn với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh B và chị T có 03 con chung là Võ Thị Yến N, sinh năm 2005; Võ Thị Thúy V, sinh năm 2009; Võ Hoài L, sinh năm 2013 con tên Vy và Lộc do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, con tên Nhi thường qua lại giữa nhà anh B và chị T. Nếu con đồng ý ở với chị T anh B đồng ý để chị T nuôi 03 con, anh B không cấp dưỡng nuôi con vì không có khả năng.

Về tài sản chung: Anh B và chị T có tài sản chung là căn nhà do nhà nước hỗ trợ theo diện 167 cất đã 04 năm, nhà cất trên phần đất của bà Thum là mẹ ruột của Ba cho ở nhờ, ghe máy cào cá loại nhỏ mua cách nay 02 năm (mua ghe máy củ của người khác) hiện anh B đang quản lý sử dụng, anh B thống nhất nhà để lại cho con ở, anh B tiếp tục sử dụng ghe máy để cào cá để trả nợ chung của vợ chồng mượn khi mua ghe máy không yêu cầu chị T cùng trả.

Về tài sản chung: anh B không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị T và anh B chung sống năm 2003, đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã V, sau khi kết hôn anh B và chị T sống hạnh phúc đến tháng 10/2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do làm ăn thất bại (anh B làm nghề cào cá trên sông) chị T kêu anh B về gần nhà làm anh B không đồng ý, anh B không quan tâm đến vợ con, khi đi cào cá về chị T nấu cơm anh B cũng không lên ăn mà ở luôn dưới ghe, ngoài ra anh B còn có người phụ nữa khác bên ngoài, việc anh B cho rằng chị T chửi người lớn trong nhà là không có, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 12/2017 đến nay. Nay anh B xin ly hôn chị T không đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống anh B và chị T có 03 con chung là Võ Thị Yến N, sinh năm 2005; Võ Thị Thúy V, sinh năm 2009; Võ Hoài L, sinh năm 2013 con tên Vy và Lộc do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, con tên Nhi qua lại giữa nhà anh B và chị T. Nếu anh B cương quyết ly hôn mà Tòa án cho ly hôn chị T đồng ý nuôi 03 con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh B và chị T có tài sản chung là căn nhà do nhà nước hỗ trợ theo diện 167 cất đã 04 năm, nhà cất trên phần đất của bà Thum là mẹ ruột của anh B cho ở nhờ, ghe máy cào cá loại nhỏ mua cách nay 02 năm (mua ghe máy củ của người khác) hiện anh B đang quản lý sử dụng, chị T thống nhất nhà để lại cho con ở (vì hiện nay con tên Nhi đang ở nhà này), chị T đồng ý anh B tiếp tục sử dụng ghe máy để trả nợ chung của vợ chồng. Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung.

Nợ chung: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ra quyết định xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của của xin ly hôn của anh Võ Hoàng B với chị Bùi Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày và yêu cầu của các đương sự tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh B là nguyên đơn xin ly hôn với chị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ pháp luật: Trong đơn khởi kiện anh B yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tình cảm hôn nhân: Anh Võ Hoàng B và chị Bùi Thị T chung sống với nhau năm 2003, đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Theo anh B trình bày là Anh B và chị T sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2017 thì mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân anh B cho rằng do chị T thường hay cằn nhằn ghen tuông chửi anh B và chửi người lớn trong nhà. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Nay anh B yêu cầu được ly hôn với chị T. Chị T trình bày về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn anh B trình bày là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không quan tâm đến vợ con, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 12/2017 đến nay. Nay chị T không đồng ý ly hôn với anh B. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh B với chị T hội đồng xét xử nhận thấy: Xét thấy thời gian anh B và chị T chung sống hạnh phúc hơn 10 năm, đã có 03 con chung. Nay anh B yêu cầu được ly hôn với chị T vì anh B cho rằng làm ăn thua lỗ chị T cằn nhằn, chị T chửi người lớn trong nhà nhưng chị T không thừa nhận, anh B không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, chị T cho rằng anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh. Tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có quy định “Khi vợ hoặc chồng có yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được ...” đối chiếu với Điều luật đã trích dẫn trên việc anh B xin ly hôn với chị T là không có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đồng thời trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay anh B không chứng minh được anh B và chị T có mâu thuẫn với nhau trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm hôn nhân giữa anh B và chị T chưa mâu thuẫn đến mức trầm trọng, hôn nhân còn có thể hàn gắn được, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị T là có căn cứ và phù hợp Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung giữa anh B và chị T.

[4] Về án phí: anh B phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 91, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Hoàng B với chị Bùi Thị T.

- Về án phí: anh Võ Hoàng B có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, tiền án phí của anh B được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp ngày 05/02/2018 theo biên lai số 0001339 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, anh B không phải nộp thêm.

Án xử có mặt các đương sự báo cho các đương sự biết là có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.V;
- CC THA-DS H.V;
- Các đ/s;
- Lưu HS, AV.

Đã ký

Trương Thị Bích Thủy